TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Minh Thuận**

Ông **Lê Minh Thư**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Kim Hồ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Bà **Nguyễn Thị Bé Hà** - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 04, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 11, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 16/2/2022 nguyên đơn Trần Thị H trình bày:

Vào năm 2012, chị và anh Nguyễn Văn Đ sau thời gian quen biết, tìm hiểu rồi sống chung như vợ chồng mà không tổ chức lễ cưới hỏi. Đến năm 2017 chị và anh Đ có đến Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi, huyện Bình Tân đăng ký kết hôn và về sống

tại tổ 4, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2021 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chồng không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và sống ly thân nhau từ đó đến nay.

Trong thời gian chung sống chị và anh Đ có hai con chung là Nguyễn T, sinh ngày 16/10/2013 và Nguyễn Thị Tuyết H1, sinh ngày 06/8/2017, hiện hai con đang sống với chị.

Nay chị H cho rằng chị không còn tình cảm với anh Đ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ

Về con chung: Chị H yêu cầu giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu H1, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Đ đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho anh do người thân là ông Chung Tính A *(cậu ruột của anh Đ)* nhận thay và đã giao lại, nhưng anh Đ vẫn không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, anh Đ cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ về việc vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định, đối với bị đơn thì chưa chấp hành đúng quy định *(bị đơn không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/7/2022 và phiên tòa ngày 12/9/2022).*

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị H

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ

Về con chung: Giao cháu Nguyễn T, sinh ngày 16/10/2013 và Nguyễn Thị Tuyết H1 sinh ngày 06/8/2017 cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản chung: không tranh chấp nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị H nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chị H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0013525 ngày 22/3/2022 tại Chi cục THADS huyện Bình Tân nên chị H không phải nộp thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, anh Đ có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành cuộc họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn tuy vắng mặt nhưng đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Đ chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với anh Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H là có cơ sở chấp nhận. Bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống với nhau để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng theo lời trình bày của chị H *(tại Đơn khởi kiện và bản khai ngày 16/02/2022)* thì từ đầu năm 2021 mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Đ có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và anh Đ không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh Đ sống ly thân nhau từ đó đến nay. Đối với anh Nguyễn Văn Đ, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ không đến Tòa để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không giao nộp văn bản trình bày ý kiến về việc chị H xin ly hôn với anh, qua đó thể hiện anh Đ không có nguyện vọng giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Thêm vào đó, qua xác minh đối với ông Chung Tính A là cậu ruột của anh Đ thì anh Đ biết chị H xin ly hôn anh và anh cũng đồng ý ly hôn nhưng do đi làm xa không về được nên để Tòa giải quyết theo quy định.

Với những lời trình bày nêu trên thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, căn cứ quy định

tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, cho chị Hiếu ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

[3.2] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Đ có hai con chung là Nguyễn T sinh ngày 16/10/2013 và Nguyễn Thị Tuyết H1 sinh ngày 06/8/2017, cháu T và cháu H1 đang sống với chị H và chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu H1 thì còn nhỏ (5 tuổi) nên cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ, anh Đ thì thường xuyên đi làm ở đại phương khác nên việc giao con cho anh Đ nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cho sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần của con. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu T và cháu H1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của chị H.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Trần Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi cháu cháu T và cháu H1 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các 9, Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị H

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ

1.2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn T sinh ngày 16/10/2013 và Nguyễn Thị Tuyết H1 sinh ngày 06/8/2017 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Toà án có

hiệu lực đến khi cháu T, cháu H1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Toà án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh Nguyễn Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, anh Đ còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3.Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị H nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí chị H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0013525 ngày 22/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Sương

Nơi nhận:
- Đương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND xã Thành Lợi, huyện Bình Tân: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b